

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam có phiên hồi phục mạnh ngày hôm nay trong bối cảnh lực cầu bắt đáy được gia tăng mạnh mẽ

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL diễn biến tích cực nhờ kì vọng các biện pháp mạnh tay của chính phủ Việt Nam

[Cổ phiếu tác động đến thị trường]

VRE, REE

[Cập nhật công ty]

VHM, TCB, CTG, VRE

[Quan điểm đầu tư]

NĐT tiếp tục được khuyến nghị tận dụng nhịp phục hồi để đóng các vị thế ngắn hạn còn lại trong tài khoản.

28/07/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	813.36	+3.59
VN30	756.17	+3.59
HĐTL VN30F1M	741.70	+4.23
HNXIndex	107.98	+4.99
HNX30	200.84	+5.94
UPCoM	55.27	+3.02
USD/VND	23,180	+0.03
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.91	+3
Lãi suất qua đêm (%)	0.20	+10
Dầu (WTI, \$)	41.46	-0.34
Vàng (LME, \$)	1,933.43	-0.45



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 813.36 (+3.59%)
KLGD (triệu CP) 311.5 (-14.8%)
GTGD (triệu US\$) 216.9 (-28.3%)

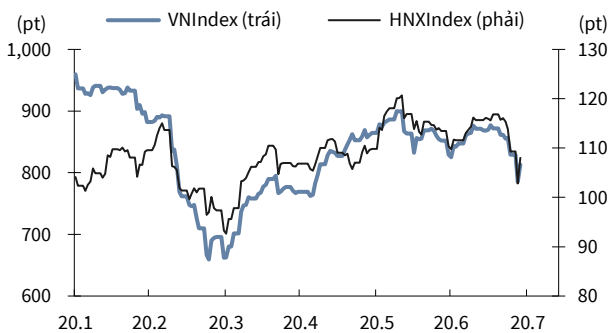
HNXIndex 107.98 (+4.99%)
KLGD (triệu CP) 48.4 (-25.6%)
GTGD (triệu US\$) 17.1 (-35.2%)

UPCoM 55.27 (+3.02%)
KLGD (triệu CP) 18.6 (-58.7%)
GTGD (triệu US\$) 10.0 (-48.4%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +9.9

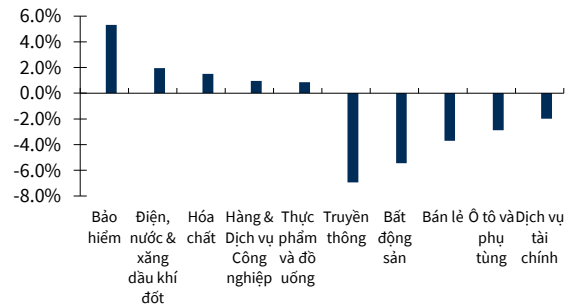
TTCK Việt Nam có phiên hồi phục mạnh ngày hôm nay trong bối cảnh lực cầu bắt đáy được gia tăng mạnh mẽ vào phiên chiều sau 2 phiên giảm mạnh trước đó. Xét riêng rõ cổ phiếu VN30 có 29 mã tăng và chỉ duy nhất VJC (-1.4%) giảm điểm nhẹ sau thông tin Bộ Giao thông Vận tải yêu cầu dừng toàn bộ chuyến bay nội địa chở khách đến Đà Nẵng. Nhóm cổ phiếu ngân hàng tăng điểm đồng loạt ở BID (+6.5%), CTG (+4.8%). Cổ phiếu chứng khoán đồng loạt tăng trần ở SSI (+6.8%), HCM (+6.9%) sau thông tin Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 70 nhằm kéo dài thời gian áp dụng Thông tư 14 thêm 10 tháng về việc giảm/miễn các loại giá dịch vụ chứng khoán. Cổ phiếu dệt may như TCM (+6.3%), STK (+7%) và cổ phiếu thủy sản như VHC (+6.5%), MPC (+3.8%) tăng điểm trong bối cảnh hiệp định EVFTA sẽ chính thức có hiệu lực từ cuối tuần này, ngày 1/8. Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục có phiên mua ròng, tập trung ở VHM (+6.9%), HPG (+5.4%), VNM (+6.3%).

VNIndex & HNXIndex



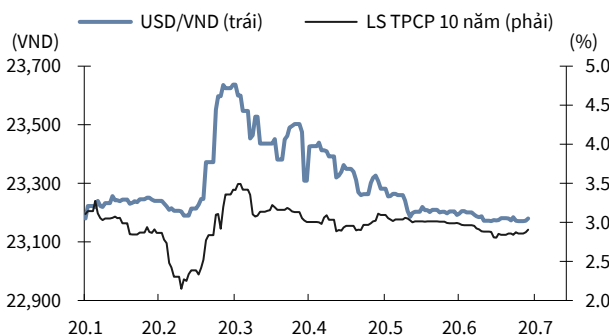
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



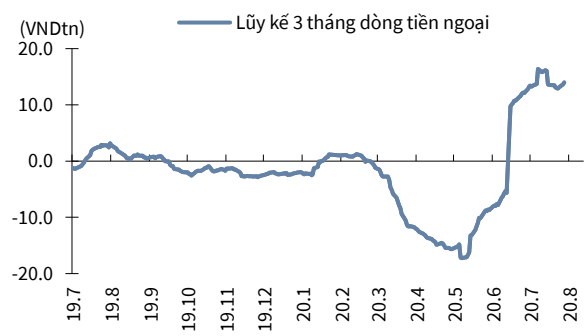
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



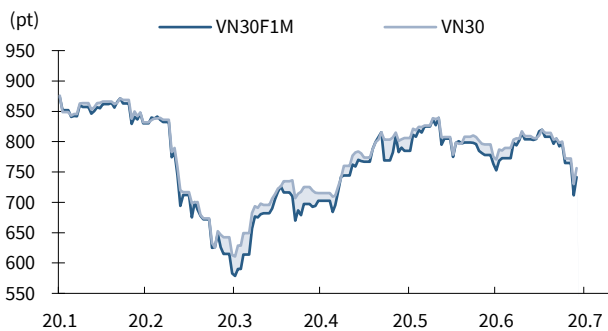
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	756.17 (+3.59%)
VN30F1M	741.7 (+4.23%)
Mở cửa	715.0
Cao nhất	748.3
Thấp nhất	715.0
KLGD (HĐ)	323,190 (+26.0%)

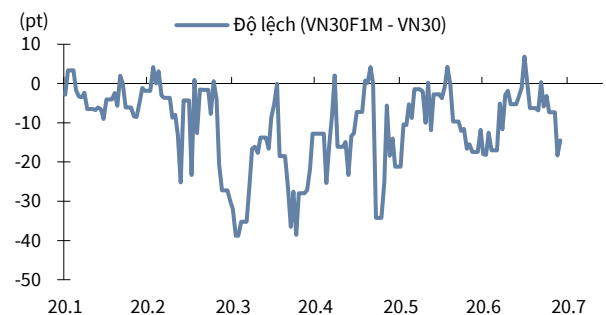
Các HĐTL diễn biến tích cực nhờ kì vọng các biện pháp mạnh tay của chính phủ Việt Nam, bao gồm việc đóng cửa Đà Nẵng, sẽ giúp kiểm soát dịch Covid-19. Chênh lệch F2008 và VN30 mở cửa ở mức -13.93, đã thu hẹp ngay sau đó và biến động quanh -1.5 và -9.5 trong bối cảnh các vị thế long được gia tăng mạnh mẽ. Mặc dù vậy, hoạt động cover vị thế long trong ngày ở phiên giao dịch ATC, trái ngược với diễn biến tăng ở thị trường cơ sở, khiến chênh lệch được mở rộng và đóng cửa ở mức -14.47 điểm. NĐTNN đã mua ròng nhẹ. Thanh khoản tiếp tục duy trì ở mức cao.

HĐTL VN30F1M & VN30



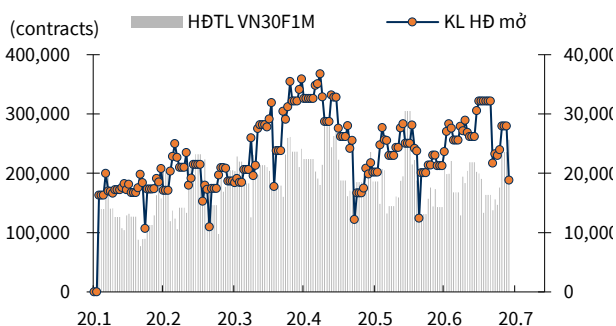
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



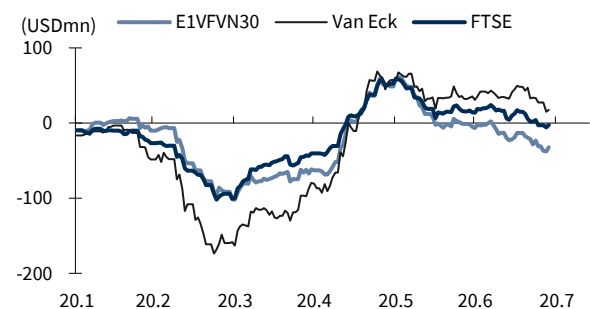
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

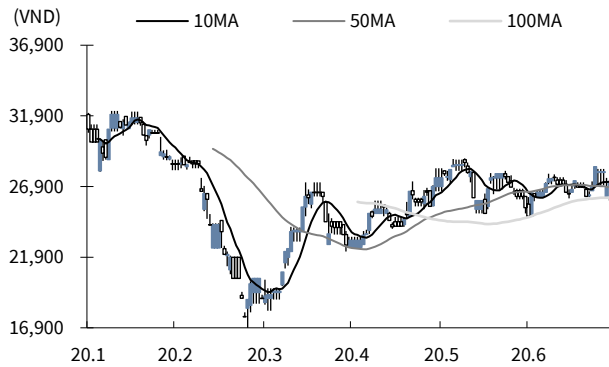
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

Vincom Retail (VRE)

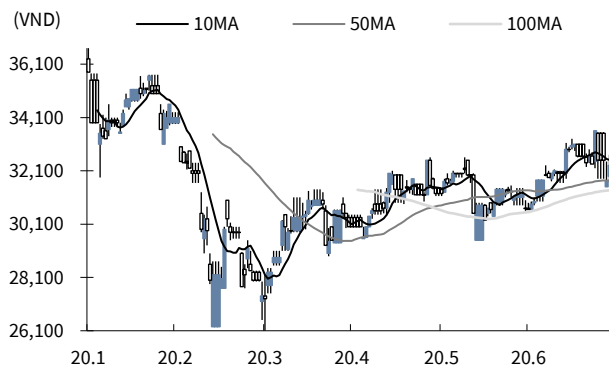


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VRE tăng 1.5% lên 27,300 VND/cp.

- VRE mới đây công bố báo cáo tài chính quý II với lợi nhuận sau thuế 343 tỷ (-46% yoy) và doanh thu 1,630 tỷ (-18% YoY). Diễn biến sụt giảm mạnh về lợi nhuận và doanh thu của VRE được ban lãnh đạo lý giải do doanh nghiệp chịu tác động của dịch Covid-19, bao gồm việc VRE đã phải chi 375 tỷ đồng để hỗ trợ khách thuê mặt bằng trung tâm thương mại.

Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh (REE)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- REE tăng 1.9% lên 32,300 VND/cp.

- REE mới đây công bố báo cáo tài chính quý II với lợi nhuận sau thuế 374 tỷ (-13.9% yoy) và doanh thu 1,290 tỷ (+2.5% YoY). Lợi nhuận REE có sự sụt giảm mạnh có nguyên nhân chủ yếu đến từ sự sụt giảm của doanh thu tài chính đạt 42 tỷ (-35.6% YoY), trong khi chi phí tài chính tăng mạnh ở mức 93 tỷ (+182% YoY). Bên cạnh đó, lãi từ liên doanh liên kết cũng giảm xuống 176 tỷ (-17% YoY).

CTCP Vinhomes (VHM)

Lãi ròng quý 2 giảm 55% so với cùng kỳ

Lợi nhuận Quý 2/2020 giảm 55% so với cùng kì do lợi nhuận từ chuyển nhượng Bất động sản (BDS) và hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) đều giảm so với cùng kỳ.

- Kết quả kinh doanh quý 2/2020 giảm do (1) Hoạt động chuyển nhượng BĐS đạt 15,608 tỷ VND, giảm 22% yoy do trong năm 2019, VHM ghi nhận từ 15.1 nghìn tỷ VND từ giao dịch bán buôn tại dự án Ocean Park (2) Lợi nhuận từ các dự án BCC đạt 205 tỷ VND, giảm 88% yoy do số lượng căn hộ bàn giao thấp hơn (3) Biên lợi nhuận đạt 39% giảm so với mức 44% cùng kỳ năm 2019.
- Như vậy, sau 6 tháng đầu năm, VHM đã hoàn thành được 24% kế hoạch doanh thu và 37% kế hoạch lợi nhuận cả năm.

Dịch Covid 19 không ảnh hưởng đến tiến độ bàn giao của các dự án

- Trong quý 2/2020, Vinhomes đã mở bán thành công nhiều tòa căn hộ tại 2 đại dự án Ocean Park, Smart City và chính thức ra mắt phân khu thấp tầng liên hoàn The Manhattan và The Manhattan Glory tại dự án Grand Park. Số lượng căn hộ bán được đạt 17,219 căn, tăng 26% yoy với tổng giá trị hợp đồng đạt 31 nghìn tỷ VND, tăng 47% yoy. Trong đó có hai giao dịch bán buôn thành công gồm giao dịch trị giá 2.9 nghìn tỷ VND tại dự án Ocean Park cho một đối tác trong nước và giao dịch trị giá 12.1 nghìn tỷ VND tại dự án Grand Park cho đối tác Nhật Bản.
- Tổng giá trị hợp đồng đã ký và chưa ghi nhận doanh thu tính đến cuối quý 2/2020 đạt 93 nghìn tỷ VND, tăng 17% qoq và 50% yoy.
- Hoạt động xây dựng không bị ảnh hưởng do dịch bệnh nên tiến độ bàn giao tại ba đại dự án vẫn sẽ theo đúng kế hoạch. Trong quý 2, Vinhomes đã bàn giao 7,600 căn hộ tại 3 dự án trên. 21,000 căn hộ dự kiến được bàn giao trong nửa cuối năm 2020.

Kế hoạch mở bán các dự án mới

- Trong năm 2021, Vinhomes dự kiến sẽ mở bán hai dự án lớn là Dream City (Ocean Park 2 – Hưng Yên) với diện tích 460ha và Vũ Yên (Hải Phòng) có diện tích 873 ha. Hai đại dự án khác của Vinhomes là Hạ Long Xanh (4,109.64ha) và Long Beach Cần Giờ (2,870ha) cũng đã đạt được những dấu mốc quan trọng trong quá trình phê duyệt và phát triển dự án. Chúng tôi đánh giá đây là tín hiệu tích cực cho triển vọng của Vinhomes khi đây là hai dự án rất lớn của Vinhomes, tác động đáng kể đến kết quả kinh doanh của Vinhomes trong những năm tới.
- Ngoài ra, Vinhomes sẽ đẩy mạnh phát triển BĐS KCN tại Hải Phòng, Quảng Ninh và Hải Dương. Quỹ đất phát triển KCN của Vinhomes có tổng diện tích là 29 triệu m², trong đó 22 triệu m² để bán và gần 7 triệu m² để cho thuê

Techcombank (TCB)

LNTT khả quan khi quản lí chi phí phù hợp

Lợi nhuận trước thuế (LNTT) Quý 2 tăng 19% YoY nhờ quản lý chi phí tốt

- Q2 ghi nhận LNTT 3,617 tỷ đồng (+16%QoQ, +19%YoY), lũy kế 6 tháng đầu năm đạt 6,738 tỷ đồng, hoàn thành 52% kế hoạch năm 2020. Tín dụng có xu hướng tăng trưởng chậm lại khi cho vay khách hàng đi ngang và tổng tín dụng giảm 5.3% QoQ (so với mức tăng 4% QoQ cùng kì) do ảnh hưởng của dịch COVID-19 đến hoạt động tín dụng toàn ngành. Tính đến Q2, tổng tín dụng tăng 7.5% YoY so với mức 27.6% YoY của Q1, tăng trưởng cho vay của khách hàng đạt 24.9% YoY so với mức 41.6% YoY ở Q1. Tiền gửi khách hàng đạt 249,857 tỷ đồng (+6%QoQ, +13%YoY), Techcombank tiếp tục duy trì thế mạnh trong việc thu hút được nguồn vốn giá rẻ khi tỉ lệ CASA ổn định ở 32.6% so với mức 30.7% trong Q1 và 32.9% cùng kì.
- Tổng danh mục trái phiếu của Techcombank tính đến Q2 là 78,587 tỷ đồng(-18%QoQ, +4%YTD) chiếm 25% tổng tín dụng (so với 29% trong Q1). Trong đó trái phiếu doanh nghiệp chiếm 49% (so với 41% trong Q1) và trái phiếu Chính Phủ chiếm 27% (so với 36% trong Q1). Danh mục trái phiếu đầu tư sẵn sàng để bán giảm xuống còn 69,556 tỷ đồng (-19%QoQ, -9% YoY) trong đó trái phiếu do các tổ chức kinh tế phát hành giảm 16% so với cùng kì, tăng 26% so với đầu năm 2020. Trái phiếu giữ đến ngày đáo hạn cũng ở tình trạng tương tự khi tăng hơn 3 lần so với đầu năm nhưng đi ngang so với Q1.

Nợ xấu được cải thiện

- Tính đến Q2, tỷ lệ nợ xấu (NPL) giảm xuống còn 0.91% so với mức 1.09% của Q1 và 1.78% cùng kì, tỷ lệ nợ xấu và nợ cần chú ý (nợ nhóm 2 đến nhóm 5) giảm xuống 1.91% từ 2.11% của Q1 và 3.30% cùng kì. Nợ nhóm 5 giảm xuống hơn một nửa so với Q1, tuy nhiên nợ nhóm 3 và 4 lại tăng mạnh, lần lượt tăng 97% YoY và 35% YoY. Tỷ lệ nợ xấu được cải thiện giảm áp lực lên chi phí tín dụng, chỉ còn chiếm tới 0.19% tổng dư nợ so với mức 0.33% ở Q1, tỉ lệ bao phủ nợ xấu được giảm xuống 108.6% so với mức 117.9% ở Q1 và bao phủ cho nợ xấu và nợ cần chú ý cũng giảm mạnh xuống 51.4% từ mức 61.0% ở Q1.

Thu nhập ngoài lãi tăng mạnh

- Thu nhập lãi thuần đạt 3,935 tỷ đồng (-7%QoQ, +26%YoY), biên lãi thuần (NIM) ước tính đạt 4.3%, cao hơn so với mức 4.2% ở cuối năm 2019 và 3.85% cùng kì. Doanh thu từ phí cũng mang lại kết quả lãi tích cực, đạt 1,113 tỷ đồng (+29%QoQ, +34%YoY) bên cạnh các hoạt động khác như hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh, lãi 92 tỷ (+34% YoY); mua bán chứng khoán đầu tư, lãi 235 tỷ (-172%YoY). Trong khi đó, hoạt động kinh doanh ngoại hối kém khả quan, lỗ 30 tỷ trong Q2. Tỷ lệ nợ xấu giảm so với Q1 góp phần tiết kiệm chi phí tín dụng, chỉ còn 439 tỷ đồng (-43%QoQ), tuy nhiên cao gấp 6 lần so với cùng kì. Tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) giảm xuống còn 29.5% so với 35.5% trong Q1 và giảm so với 33.5% cùng kì năm ngoái.

Vietinbank (CTG)

LNTT gấp đôi cùng kì nhờ tiết kiệm chi phí tín dụng

Lợi nhuận trước thuế Quý 2 tăng gấp đôi cùng kì nhờ cắt giảm chi phí tín dụng

- Lợi nhuận trước thuế Quý 2 ghi nhận 4,486 tỷ đồng (+51%QoQ, +106%YoY), lợi nhuận lũy kế 6 tháng đầu năm đạt chạm mức 7,460 tỷ đồng, tăng 40% so với cùng kì năm ngoái. Tín dụng đến hết Quý 1 vẫn ghi nhận tăng trưởng âm so với cuối năm 2019 đã có khởi sắc khi đến hết Quý 2 đã tăng 0.7% so với mức 2.4% cùng kì năm ngoái. Tính đến Quý 2, tổng tín dụng tăng 6.3% YoY so với mức 7.1% YoY của Quý 1, cùng xu hướng với tăng trưởng cho vay của khách hàng, ở mức 6.3% YoY so với mức 7.2% YoY ở Quý 1.
- Tiền gửi khách hàng đạt 913,320 tỷ đồng (+2%QoQ, +8%YoY) vẫn đóng vai trò chính trong hoạt động huy động vốn của ngân hàng. Tỷ lệ CASA được cải thiện trong Quý 2, đạt 15.7% so với mức 14.3% trong Quý 1 và 14.4% cùng kì năm ngoái.

Chất lượng tài sản được cải thiện giảm áp lực lên chi phí tín dụng

- Tính đến Quý 2, tỷ lệ nợ xấu (NPL) được cải thiện rõ ràng, giảm xuống còn 1.70% so với mức 1.83% của Quý 1 và 1.47% cùng kì, bên cạnh đó, tỷ lệ nợ xấu và nợ cần chú ý (nợ nhóm 2 đến nhóm 5) giảm xuống 2.32% từ 2.69% của Quý 1 và 2.31% cùng kì. So với cùng kì, các nhóm nợ đều có xu hướng giảm trừ nợ nhóm 3 tăng lên gấp 3 lần, tuy nhiên nếu so sánh với quý trước, nợ nhóm 4 và nhóm 5 đã tăng lần lượt 10.2% QoQ và 28.9% QoQ trong khi đó nợ nhóm 2 và nhóm 3 có dấu hiệu giảm khoảng 26%. Tỷ lệ nợ xấu được cải thiện giảm áp lực lên chi phí tín dụng, chỉ còn chiếm 0.23% tổng dư nợ so với mức 0.48% ở Quý 1, tỷ lệ bao phủ nợ xấu được giảm xuống 80.9% so với mức 119.7% ở cuối năm 2019 và bao phủ cho nợ xấu và nợ cần chú ý cũng giảm mạnh xuống 59.2% từ mức 78.5% ở cuối năm 2019.

Lãi thuần giảm nhẹ tuy nhiên các hoạt động ngoài lãi có kết quả khả quan

- Thu nhập lãi thuần giảm nhẹ đạt 7,798 tỷ đồng (-7%QoQ, -5%YoY), biên lãi thuần (NIM) ước tính giảm xuống còn 2.61% từ mức 2.92% cùng kì do ngân hàng hạ lãi suất cho vay để hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch COVID-19. LNTT tăng đột biến nhờ sự đóng góp của doanh thu phí dịch vụ, đạt 1,102 tỷ đồng (+4%QoQ, 12%YoY) cũng như các hoạt động ngoài lãi như kinh doanh ngoại hối đạt 644 tỷ đồng (gấp 1.6 lần Quý 1 và 1.7 lần cùng kì). Bên cạnh đó, chi phí tín dụng được tối thiểu hoá là một nguyên nhân chính giúp cho Vietinbank ghi nhận kết quả kinh doanh Quý 2 tốt, chi phí tín dụng chỉ còn bằng một nửa so với quý trước cũng như cùng kì, đạt 2,207 tỷ đồng. Chi phí hoạt động tăng nhẹ so với quý trước diễn biến khó đoán của dịch, tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) tăng nhẹ lên 32.9% so với 31.1% trong Quý 1 và giảm so với 36.4% trong cùng kỳ năm ngoái.

CTCP Vincom Retail (VRE)

Doanh thu cho thuê sụt giảm do Covid-19

Lợi nhuận Quý 2/2020 sụt giảm 46% so với cùng kỳ do ảnh hưởng bởi dịch bệnh.

- Lợi nhuận quý 2/2020 sụt giảm 46% yoy đạt 343 tỷ VND do (1) VRE đã triển khai một phần gói hỗ trợ 375 tỷ VND để giúp đỡ các khách thuê bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. (2) Doanh thu từ dịch vụ phụ trợ (tiện ích và gửi xe) giảm do quá trình giãn cách xã hội dẫn tới doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và dịch vụ liên quan giảm 21% đạt 1,306 tỷ VND (3) Biên lợi nhuận sụt giảm từ mức 48% trong quý 2/2019 xuống còn 40% trong quý 2/2020 do biên lợi nhuận từ hoạt động cho thuê sụt giảm.

Các TTTM có sự hồi phục nhanh chóng sau khi gỡ bỏ lệnh giãn cách xã hội

- Sau giai đoạn giãn cách xã hội, tỷ lệ lấp đầy tại các TTTM kể từ tháng 5 tăng trở lại đạt 80%. Lưu lượng khách ghé thăm có sự hồi phục đáng kể khi tại Hà Nội và TP HCM, lưu lượng khách ghé thăm trong tháng 6 đạt lần lượt 95% và 75% so với trước dịch.
- Tính đến cuối quý 2/2020, tổng diện tích cho thuê của VRE đạt gần 1.6 triệu m² sàn, tăng 6.7% yoy. Tỷ lệ lấp đầy trung bình của các trung tâm thương mại (TTTM) không có sự thay đổi đáng kể so với quý 1/2020 đạt 84.9%, giảm 5.9bps yoy do đóng cửa các cửa hàng Vinpro từ quý 1/2020.

VRE tiếp tục điều chỉnh kế hoạch kinh doanh do ảnh hưởng của dịch bệnh.

- Theo như kế hoạch trước đó, VRE sẽ mở mới 3 Vincom Mega Mall trong nửa cuối năm 2020. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch bệnh, VRE sẽ chỉ mở mới Vincom Mega Mall Ocean Park trong tháng 11/2020 và đẩy lùi thời gian mở mới Vincom Mega Mall Smart City and Vincom Mega Mall Grand Park sang năm 2021.
- Tính đến hết Quý 2/2020, Vincom Mega Mall Ocean Park đã cho thuê được 70%, trong đó các khách thuê có thương hiệu trong lĩnh vực thời trang và F&B đã đặt cọc.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

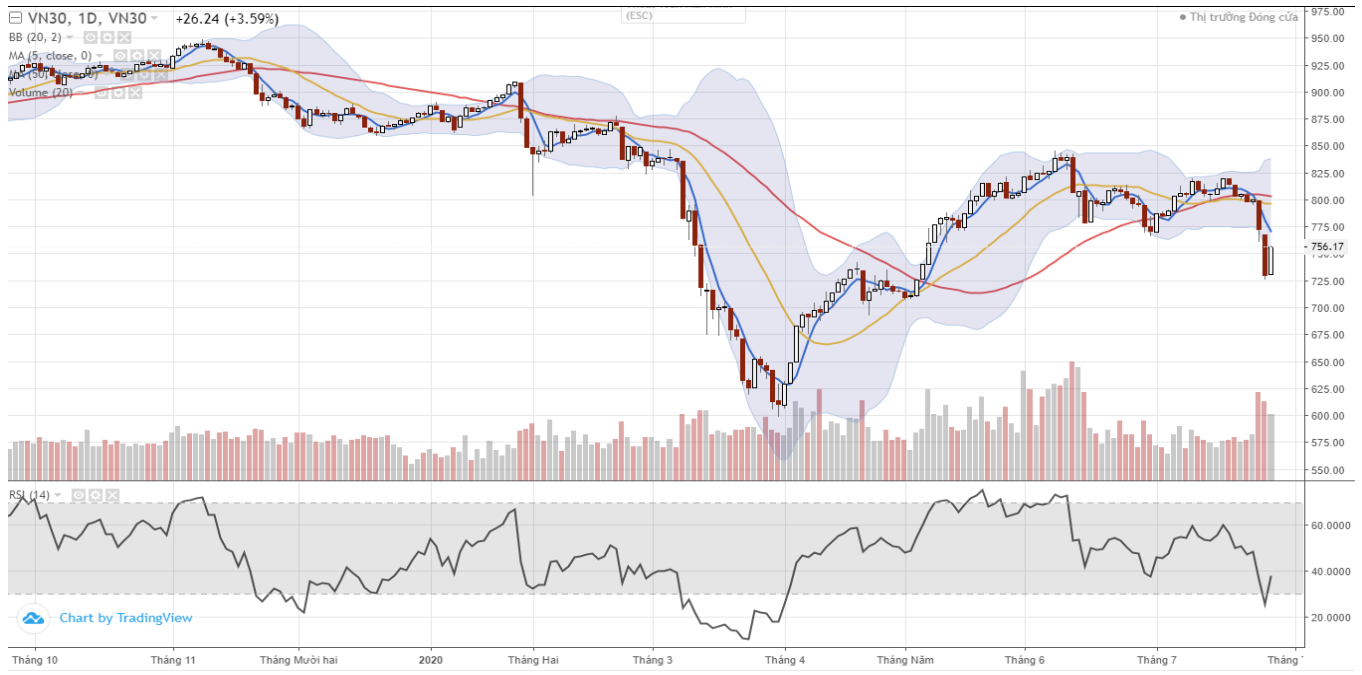
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau 2 phiên giảm điểm tiêu cực, chỉ số đã bước vào nhịp phục hồi kỹ thuật với sự hình thành của mẫu nến "piercing line".
- nỗ lực phục hồi của chỉ số sẽ vấp phải vùng cản gần quanh 820 (+5) và chúng tôi cho rằng rủi ro quay đầu giảm điểm vẫn đứng ở mức cao sau khi chỉ số đánh mất xu hướng tăng từ đáy tháng 3.
- NĐT tiếp tục được khuyến nghị tận dụng nhịp phục hồi để đóng các vị thế ngắn hạn còn lại trong tài khoản.

Chỉ số VN30



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai - VN30F1M



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VN30 và F1 cũng đảo chiều tăng điểm mạnh trong phiên hôm nay với sự hình thành của mẫu nến "piercing line".
- Sau khi đánh mất xu hướng tăng từ đáy tháng 3, áp lực bán sẽ mạnh dần khi chỉ số tiến tới vùng kháng cự gần quanh 760 (+5) và khả năng quay lại xu hướng giảm điểm vẫn đang ở mức cao.
- NĐT được khuyến nghị ưu tiên mở vị thế SHORT khi chỉ số tiến tới vùng kháng cự đề cập.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

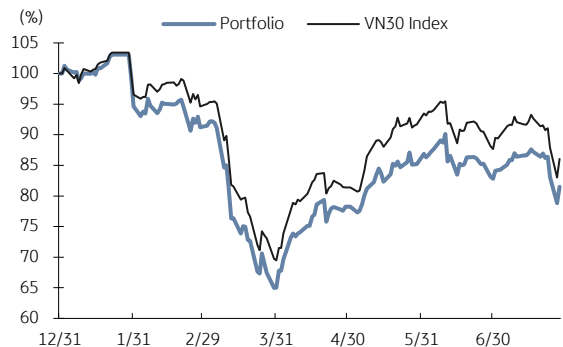
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	3.59%	3.33%
Tăng lũy kế (YTD)	-13.98%	-18.52%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 28/07/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	76,000	3.1%	-34.4%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	25,600	0.8%	-4.5%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	54,000	3.6%	-29.5%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	16,300	6.2%	-17.4%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	32,300	1.9%	-5.0%	- Mạng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	45,700	4.6%	36.5%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	21,700	4.8%	-11.1%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	96,500	-1.4%	-25.3%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hưởng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	27,350	5.4%	16.6%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	13,250	4.3%	-3.3%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VHM	6.9%	20.1%	47.1
HPG	5.4%	35.7%	23.8
VNM	6.3%	58.7%	20.4
POW	5.8%	11.2%	19.4
MBB	6.2%	23.0%	15.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VJC	-1.4%	18.0%	-12.6
VRE	1.5%	30.9%	-11.7
HSG	7.0%	10.9%	-6.7
NLG	0.8%	48.8%	-5.3
MSN	2.0%	38.8%	-5.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VCS	10.0%	2.8%	0.0
DHT	5.6%	3.6%	0.0
HUT	5.3%	3.8%	0.0
IDV	1.2%	14.8%	0.0
PGN	4.7%	0.9%	0.0

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PLC	4.4%	1.2%	-0.3
VIX	9.9%	0.9%	-0.2
SD6	5.0%	11.1%	-0.1
DNP	5.3%	0.6%	-0.1
AMV	10.0%	3.8%	-0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-3.4%	CAV, THI
Y tế	-4.1%	DBD, SPM
Dầu khí	-5.3%	PVD, PLX
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-7.2%	TBC, SFC
Công nghệ thông tin	-7.8%	ICT, ITD

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-29.2%	YEG, PNC
Bất động sản	-16.8%	VIC, VHM
Hóa chất	-16.2%	GVR, PHR
Ô tô và phụ tùng	-15.7%	TCH, DRC
Ngân hàng	-10.6%	VCB, CTG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-13.5%	CAV, THI
Y tế	-14.5%	DBD, OPC
Thực phẩm và đồ uống	-19.0%	VCF, MSN
Du lịch và Giải trí	-19.8%	DAH, HOT
Công nghệ thông tin	-20.5%	ICT, ITD

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	-34.8%	BVH, BMI
Ô tô và phụ tùng	-33.8%	TCH, DRC
Bán lẻ	-33.5%	MWG, FRT
Truyền thông	-32.8%	YEG, PNC
Hàng cá nhân & Gia dụng	-30.2%	PNJ, MSH

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	85,200	288,183 (12,432)	29,479 (1.3)	22.8	46.0	29.5	19.0	7.4	8.9	3.2	2.9	0.2	-5.5	-6.9	-25.9
	VHM	VINHOMES JSC	75,800	249,345 (10,757)	129,704 (5.6)	28.9	9.4	8.7	33.7	38.1	29.0	3.0	2.3	6.9	-3.8	0.3	-10.6
	VRE	VINCOM RETAIL JS	27,200	61,807 (2,666)	64,252 (2.8)	18.1	23.5	17.9	4.6	9.4	11.9	2.2	2.0	1.5	3.4	3.8	-20.0
	NVL	NO VA LAND INVES	63,600	61,663 (2,660)	60,409 (2.6)	32.1	18.8	20.2	-2.0	13.4	12.2	2.4	2.1	1.3	2.1	1.9	6.9
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	23,700	12,433 (536)	13,354 (0.6)	5.1	12.1	9.7	12.6	14.1	15.3	1.6	1.4	3.0	-4.2	0.4	-11.9
	DXG	DAT XANH GROUP	9,130	4,737 (204)	40,727 (1.8)	9.7	4.6	4.1	-14.2	12.3	14.3	0.6	0.5	4.0	-	-	23.9
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	78,500	291,147 (12,560)	67,305 (2.9)	6.3	17.5	14.4	11.9	19.8	19.5	3.0	2.5	1.9	-4.8	-5.8	-13.0
	BID	BANK FOR INVESTM	37,850	152,233 (6,567)	37,939 (1.6)	12.3	33.0	18.5	-11.3	9.1	12.3	2.0	1.8	6.5	-7.2	-5.1	-18.0
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	18,750	65,628 (2,831)	30,085 (1.3)	0.0	6.5	5.5	3.8	15.8	15.5	0.9	0.8	3.3	-8.5	-7.9	-20.4
	CTG	VIETNAM JS COMM	21,700	80,798 (3,486)	97,177 (4.2)	0.0	12.1	9.0	16.4	10.1	12.0	1.0	0.9	4.8	-9.0	-3.8	3.8
	VPB	VIETNAM PROSPERI	20,700	50,461 (2,177)	66,934 (2.9)	0.0	6.6	5.4	0.4	16.5	16.7	1.0	0.9	4.8	-9.0	-5.9	3.5
	MBB	MILITARY COMMERC	16,300	39,306 (1,696)	62,631 (2.7)	0.0	5.4	4.5	7.8	18.4	18.2	0.9	0.7	6.2	-5.8	-6.1	-21.6
	HDB	HDBANK	24,000	23,182 (1,000)	25,920 (1.1)	9.5	6.1	4.8	16.8	20.4	21.9	1.0	0.9	1.9	-9.6	-5.3	-12.9
	STB	SACOMBANK	10,550	19,029 (821)	113,320 (4.9)	14.7	10.5	6.8	10.6	8.3	10.0	-	-	3.9	-8.3	-6.6	5.0
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,850	17,026 (734)	1,663 (0.1)	0.0	6.0	4.9	34.4	22.4	18.4	1.1	0.9	6.9	-3.0	-1.4	-1.0
EIB	VIETNAM EXPORT-I	16,500	20,286 (875)	2,718 (0.1)	0.0	35.5	34.0	-6.9	3.6	3.6	1.2	1.2	0.6	-4.6	-7.0	-7.3	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	41,900	31,103 (1,342)	24,809 (1.1)	20.8	29.9	22.5	-5.4	5.9	7.5	1.6	1.5	3.3	-	-	-38.9
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,800	1,900 (82)	2,597 (0.1)	13.9	-	-	-	7.6	8.6	0.8	0.8	4.3	-4.4	-3.0	-16.1
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	14,200	8,533 (368)	83,956 (3.6)	51.1	10.0	7.9	-17.7	8.2	10.7	0.8	0.8	6.8	-6.9	-8.4	-8.7
	VCI	VIET CAPITAL SEC	21,000	3,450 (149)	16,924 (0.7)	71.9	7.5	5.8	-24.9	11.1	13.0	0.8	0.7	5.0	-9.5	-6.5	-28.8
	HCM	HO CHI MINH CITY	17,150	5,232 (226)	34,333 (1.5)	48.2	11.7	7.3	-22.5	11.0	17.1	1.2	1.1	6.9	-8.5	-	10.4
	VND	VNDIRECT SECURIT	11,650	2,429 (105)	5,987 (0.3)	13.3	10.5	6.6	-19.1	7.4	11.2	0.7	0.7	4.0	-7.9	-	14.7
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,900	191,377 (8,256)	122,930 (5.3)	41.3	18.9	17.7	5.4	37.7	38.5	6.4	5.7	6.3	-5.3	-5.2	-5.7
	SAB	SAIGON BEER ALCO	180,000	115,431 (4,980)	32,851 (1.4)	36.7	28.9	25.0	-2.2	20.5	23.0	5.7	5.1	4.0	-5.4	9.2	-21.1
	MSN	MASAN GROUP CORP	50,500	59,032 (2,547)	61,255 (2.6)	10.3	52.3	24.8	-50.7	3.0	7.2	1.3	1.3	2.0	-7.7	10.5	-10.6
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,000	13,303 (574)	8,731 (0.4)	48.7	-	-	-	-	-	-	-	3.0	-	-	14.9
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	96,500	50,550 (2,181)	33,211 (1.4)	12.0	176.7	11.9	-76.5	9.6	24.2	3.2	3.4	-1.4	-	-	-34.0
	GMD	GEMADEPT CORP	18,350	5,449 (235)	4,128 (0.2)	0.0	14.2	12.6	-54.2	6.9	7.7	0.9	0.9	5.8	-6.1	-6.4	-21.2
	CII	HO CHI MINH CITY	17,200	4,108 (177)	23,948 (1.0)	33.2	12.1	12.8	105.5	7.7	7.0	0.8	0.8	0.6	-5.0	-8.5	-23.6
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	2,380	1,351 (58)	29,131 (1.3)	47.2	-	-	-	-	-	-	-	5.3	-	-	-86.2
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	19,200	9,023 (389)	65,602 (2.8)	33.5	12.4	9.7	-16.2	11.7	13.9	-	-	2.9	-8.6	11.3	-0.8
	CTD	COTECCONS CONSTR	71,000	5,417 (234)	67,530 (2.9)	3.1	9.6	9.6	-39.4	6.6	6.8	0.6	0.6	3.6	-	6.3	38.4
	REE	REE	32,300	10,015 (432)	12,846 (0.6)	0.0	6.6	5.8	-10.3	12.9	14.0	0.9	0.8	1.9	-1.1	3.5	-11.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	67,800	129,766 (5,598)	41,897 (1.8)	45.7	17.8	13.6	-20.1	15.2	19.5	2.6	2.5	5.9	-4.5	-6.1	-27.6
	NT2	PETROVIETNAM NHO	20,950	6,031 (260)	7,268 (0.3)	30.7	8.6	8.3	-2.4	16.7	17.9	1.4	1.4	3.7	-9.7	-4.3	-3.2
	PPC	PHA LAI THERMAL	23,600	7,566 (326)	3,149 (0.1)	32.5	7.9	8.6	-7.3	16.0	14.5	1.2	1.2	1.7	-4.3	-3.3	-12.3
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	27,350	75,515 (3,258)	345,352 (14.9)	13.3	8.3	6.7	2.5	18.2	19.5	1.4	1.2	5.4	-2.7	0.6	16.4
	DPM	PETROVIETNAM FER	14,100	5,518 (238)	33,091 (1.4)	38.2	9.2	9.5	-0.7	8.8	8.1	0.7	0.7	6.0	-3.8	-4.7	8.9
	DCM	PETRO CA MAU FER	8,310	4,399 (190)	15,255 (0.7)	47.1	-	-	-	-	-	-	-	6.3	-6.3	10.2	27.8
	HSG	HOA SEN GROUP	10,400	4,621 (199)	110,361 (4.8)	38.2	6.1	6.3	38.6	13.9	11.4	0.7	0.6	7.0	-8.4	15.1	39.8
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	11,500	2,429 (105)	20,126 (0.9)	97.0	6.0	6.8	37.9	13.4	10.4	0.6	0.5	4.1	-9.8	10.2	-9.4
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	43,600	52,573 (2,268)	37,772 (1.6)	5.4	36.8	15.2	-35.7	7.1	15.3	2.2	1.9	3.2	-5.0	-4.8	-22.1
	PVD	PETROVIETNAM DRI	9,390	3,954 (171)	29,693 (1.3)	37.2	36.0	17.8	-14.7	1.0	0.9	0.3	0.3	4.0	-9.3	10.1	-37.6
	PVT	PETROVIET TRANSP	9,550	2,688 (116)	11,711 (0.5)	26.6	6.4	5.4	-19.1	8.9	9.9	0.5	0.5	6.9	-8.2	11.2	-43.2
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	76,000	34,414 (1,485)	57,241 (2.5)	0.0	9.4	7.2	13.0	27.7	28.6	2.2	1.7	3.1	-9.2	-9.7	-33.3
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	54,000	12,157 (524)	25,309 (1.1)	0.0	13.6	11.1	-1.9	21.5	24.2	2.3	2.2	3.6	-9.1	-9.4	-37.2
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	49,300	1,455 (063)	1,096 (0.0)	69.3	20.7	15.1	-28.1	6.7	8.5	1.3	1.2	6.8	15.0	-8.7	33.2
	FRT	FPT DIGITAL RETA	22,450	1,773 (076)	16,784 (0.7)	13.9	11.2	8.9	-31.9	11.8	13.7	1.2	1.1	4.9	-9.5	-5.3	6.7
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	51,500	6,978 (301)	66,546 (2.9)	38.9	6.7	7.2	27.8	36.8	29.8	2.3	2.0	5.0	-6.0	1.0	34.8
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	92,000	12,029 (519)	1,000 (0.0)	45.4	18.6	17.3	4.6	19.5	19.4	3.4	3.2	1.1	-0.9	1.0	0.5
	PME	PYMEPHARCO JSC	61,000	4,576 (197)	591 (0.0)	37.9	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-1.6	-3.6	12.3
IT	FPT	FPT CORP	45,700	35,824 (1,545)	74,429 (3.2)	0.0	10.3	8.7	19.5	24.3	25.9	2.3	2.0	4.6	-4.4	-2.5	-9.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh
anhdt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh
trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu
hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công
congtl@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền
huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim
harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung
dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh
danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh
vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin
shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.